CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Nước Thủ Dầu Một

Ngày 30/09/2025	59,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**4.1%**	**9.5%**

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	46,366 - 60,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	6,555
Số lượng CPLH (CP)	111,100,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	11,325
Sở hữu nước ngoài	1.3%
Beta	0.13
EPS	2,314
P/E	25.5

DT thuần
Q3/25
64.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▼35.9| -36.0%
YoY: ▼42.0| -39.7%

LN thuần
Q3/25
2.73
tỷ VNĐ
QoQ: ▼53.3| -95.1%
YoY: ▼59.1| -95.6%

LN sau thuế
Q3/25
3.14
tỷ VNĐ
QoQ: ▼49.5| -94.0%
YoY: ▼54.3| -94.5%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
21.9%
YoY: +/-▼ 40.7%

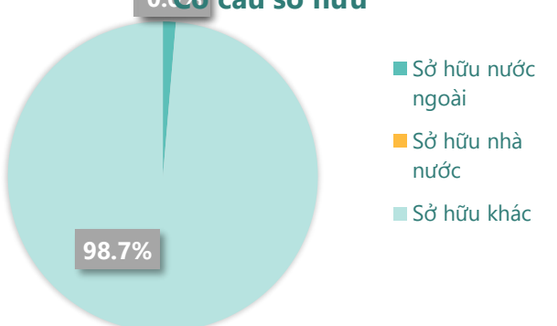
ROE (TTM)
Q3/25
10.2%
YoY: +/-▼ 2.4%

DT thuần
9T 2025
264
tỷ VNĐ
YoY: ▼136| -34.0%

LN thuần
9T 2025
207
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 46.0| 28.5%

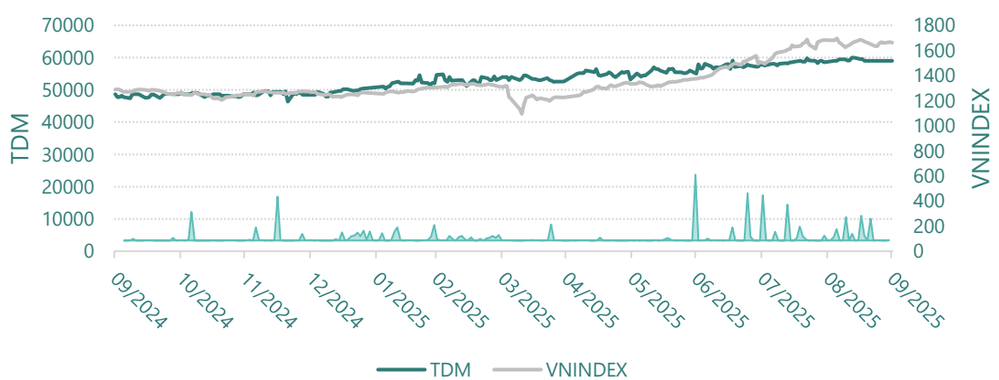
LN sau thuế
9T 2025
200
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 53.0| 35.9%

Cơ cấu sở hữu

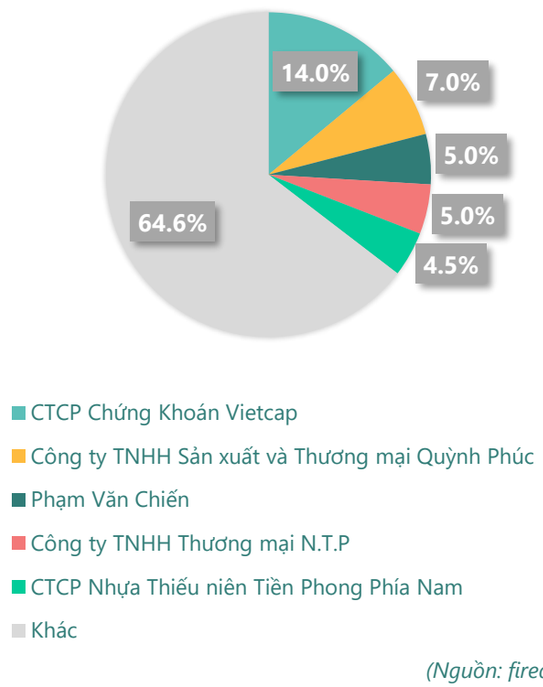


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



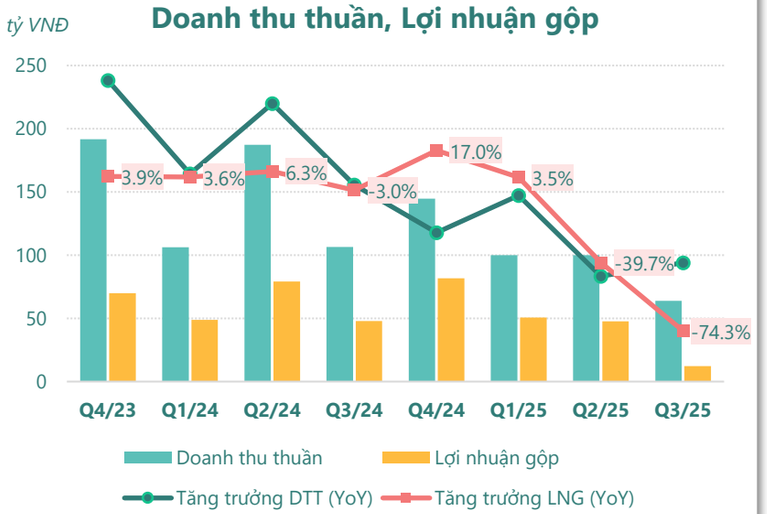
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

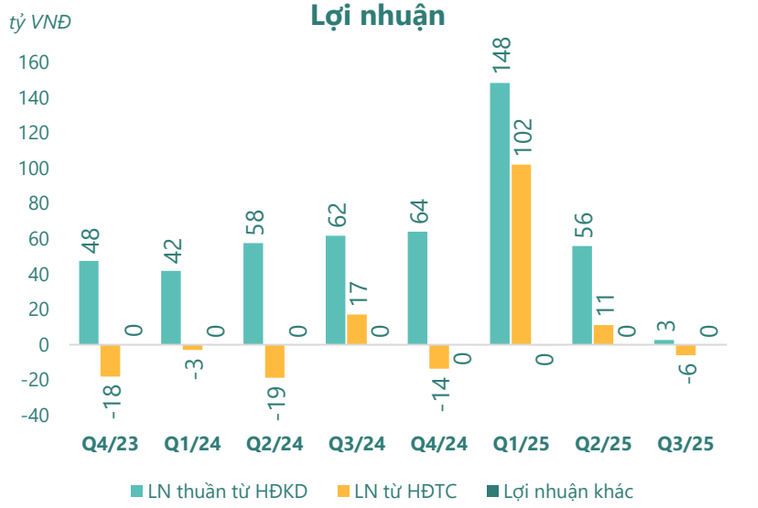
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



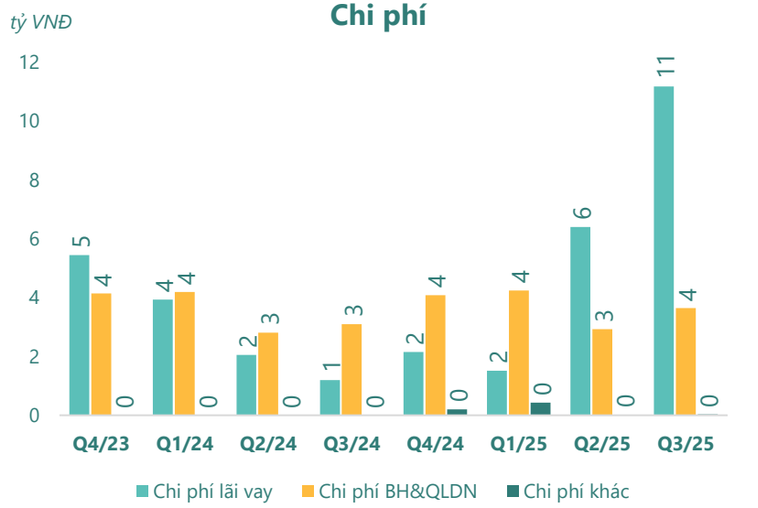
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



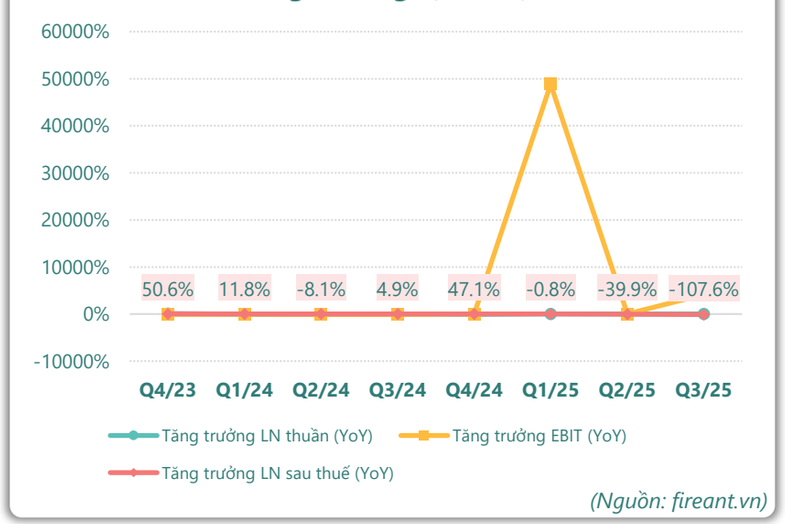
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



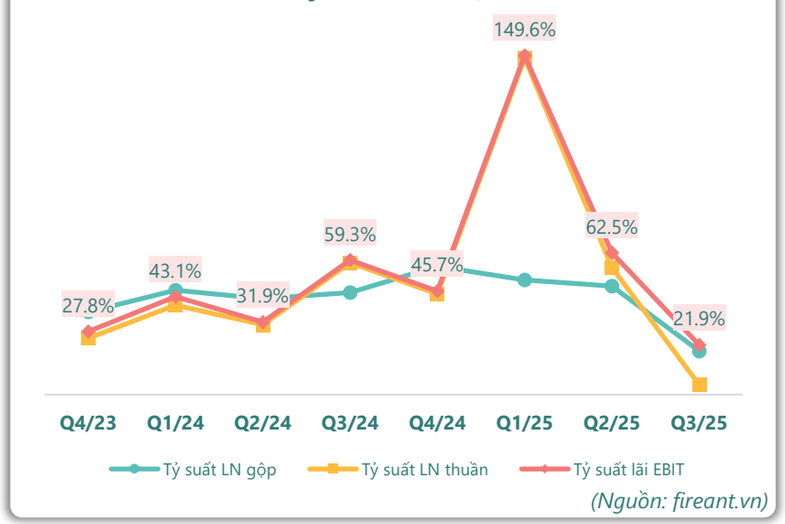
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



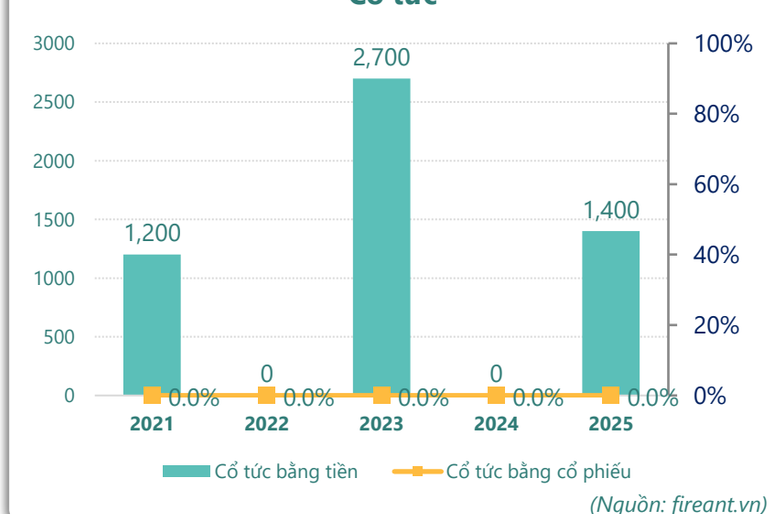
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

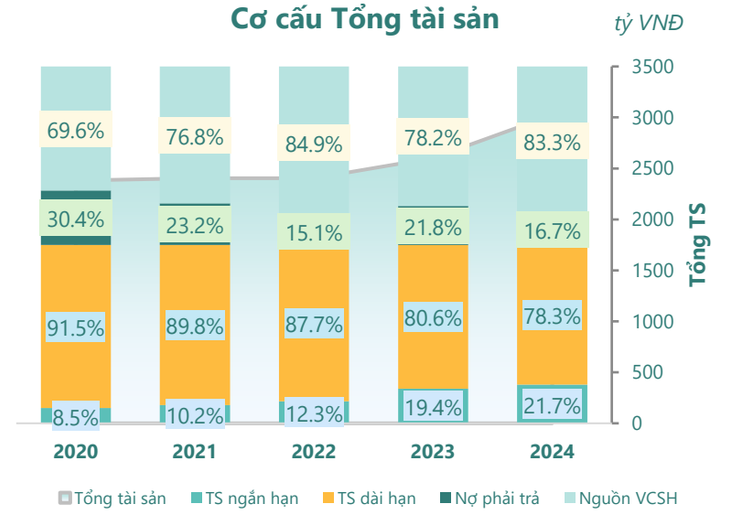
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

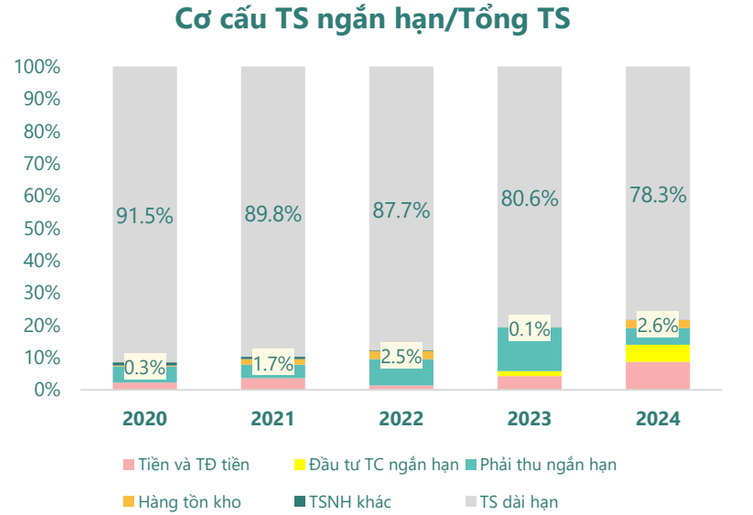
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



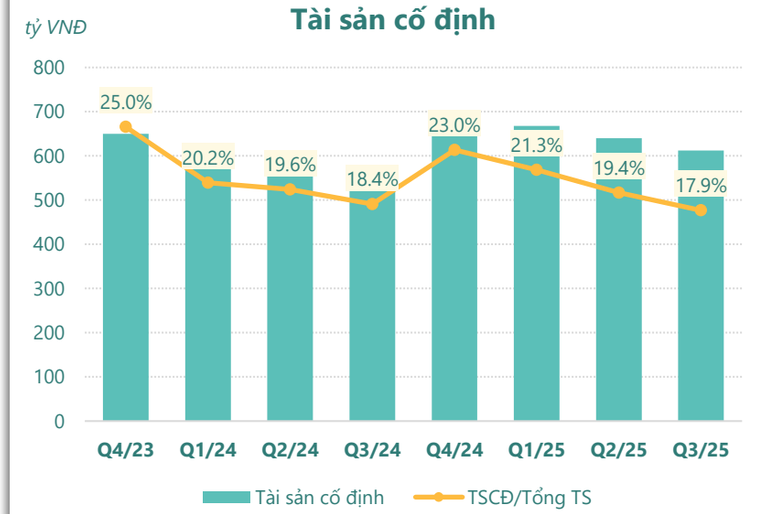
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



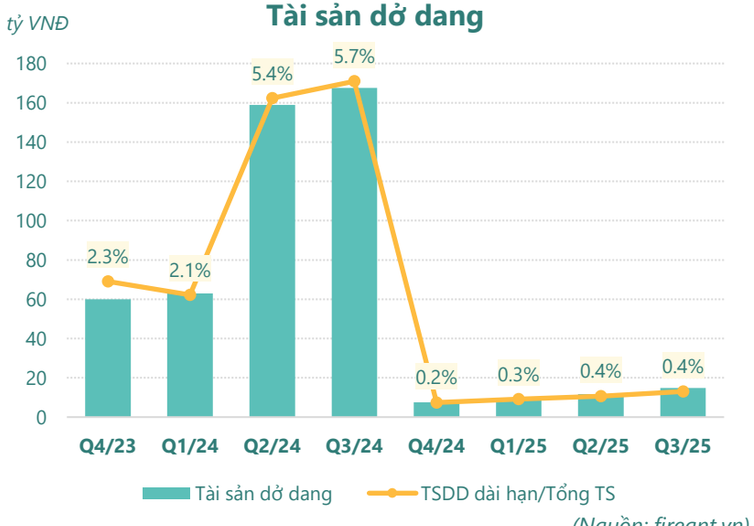
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



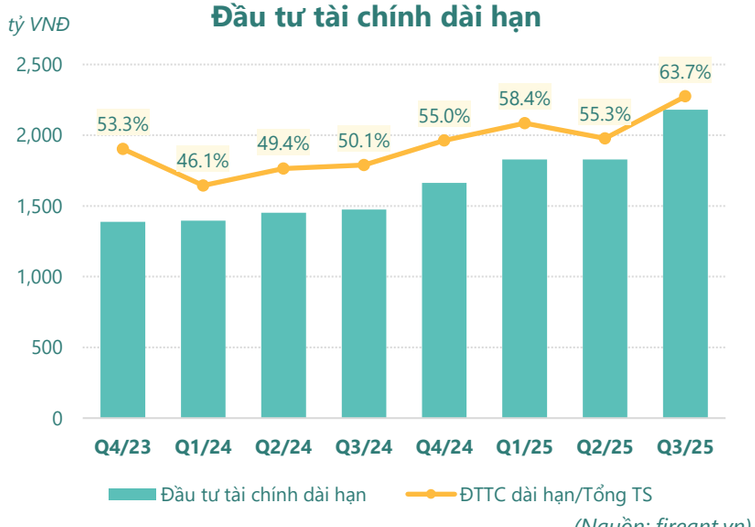
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



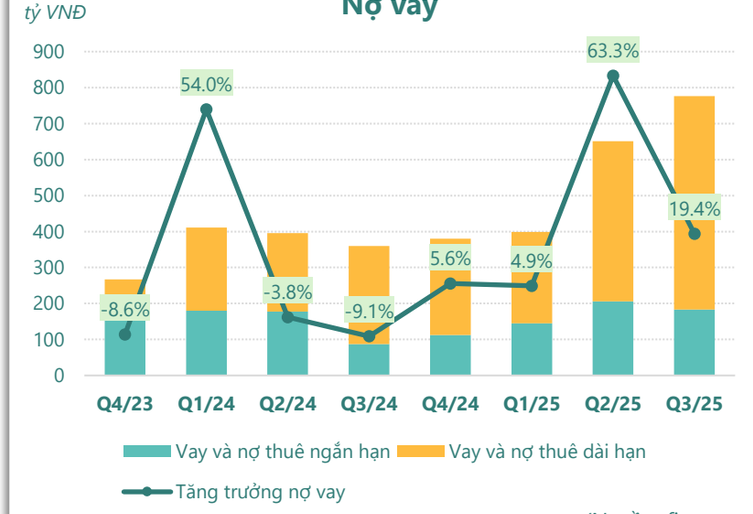
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

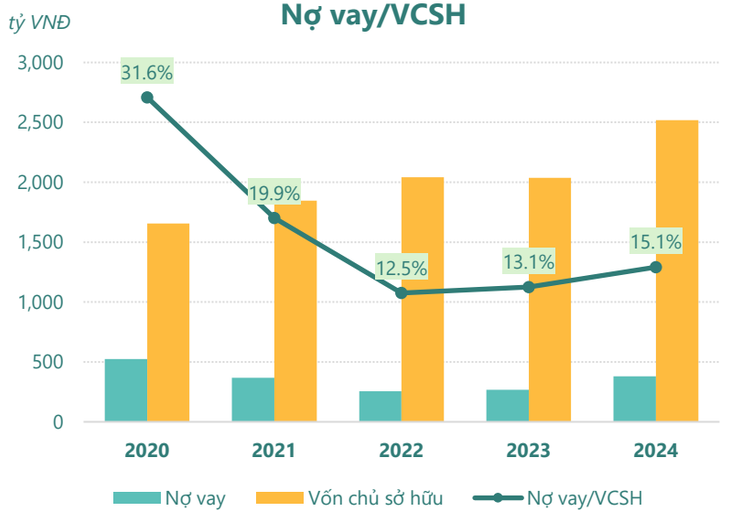
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

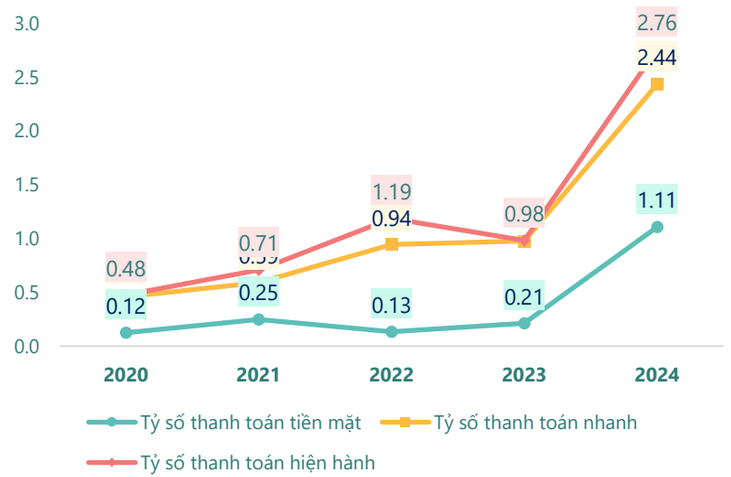
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



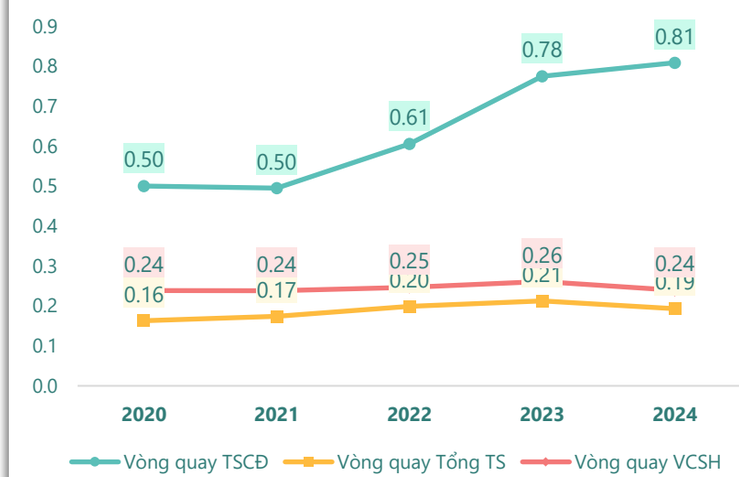
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



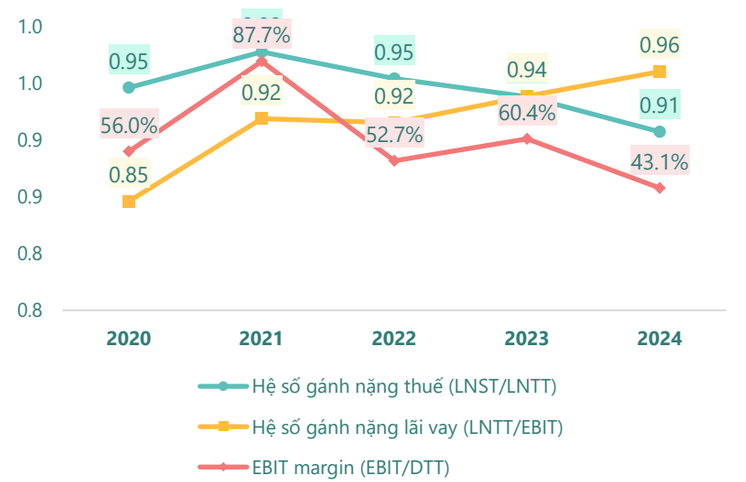
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



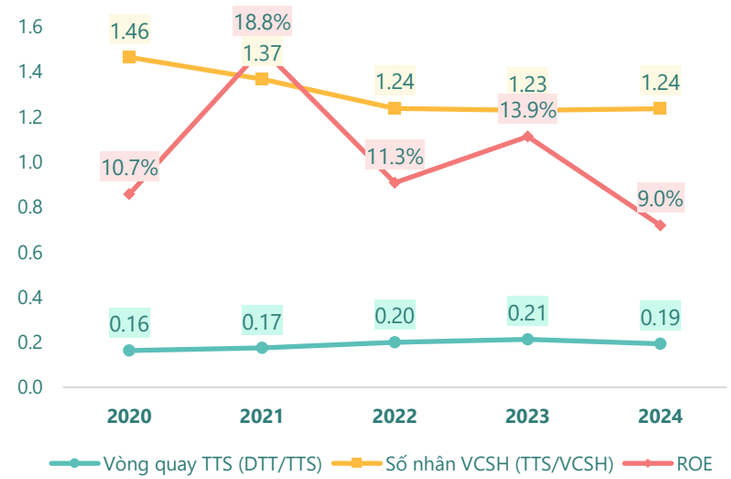
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



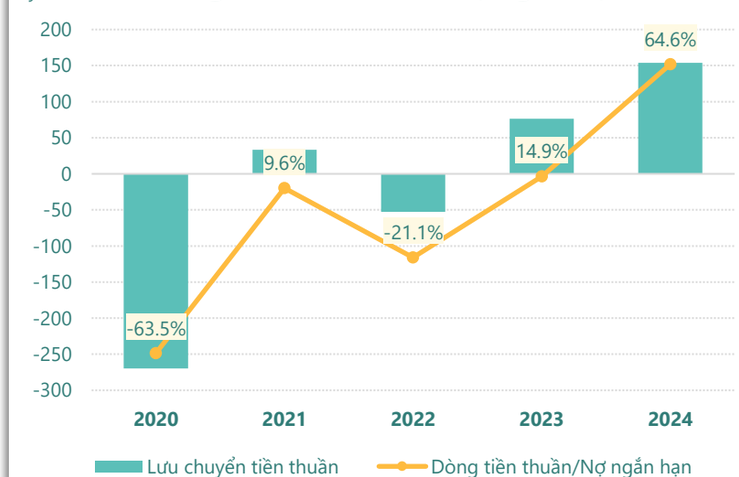
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**64.0**	**106**	**-39.7%**	**264**	**400**	**-34.0%**
Giá vốn hàng bán	51.7	58.5	-11.7%	153	224	-31.5%
Lợi nhuận gộp	12.3	47.9	-74.3%	111	176	-37.1%
Doanh thu HĐTC	9.84	18.3	-46.2%	144	22.4	543%
Chi phí TC	15.8	1.28	1131%	36.7	26.9	36.1%
Chi phí lãi vay	11.2	1.19	840%	19.1	7.17	166%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**3.64**	**3.10**	**17.5%**	**10.8**	**10.1**	**7.1%**
LN thuần từ HĐKD	2.73	61.8	-95.6%	207	161	28.5%
Lợi nhuận khác	**0.07**	**0.07**	**-4.3%**	**-0.23**	**0.20**	**-217%**
LN trước thuế	2.80	61.9	-95.5%	207	161	28.2%
Lợi nhuận sau thuế	**3.14**	**57.4**	**-94.5%**	**200**	**147**	**35.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**3.14**	**57.4**	**-94.5%**	**200**	**147**	**35.9%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	107	220	235	-66.7	34.2	32.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-99.0	-212	-318	-134	-110	-232
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-164	-36.1	19.4	17.2	132	116
Tiền đầu kỳ	512	355	327	264	80.8	138
Lưu chuyển tiền thuần	**-156**	**-28.1**	**-63.4**	**-183**	**56.7**	**-83.0**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	355	327	264	80.8	138	54.6

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**3,424**	**3,024**	**13.2%**
Tài sản ngắn hạn	616	657	-6.3%
Tiền và tương đương tiền	54.6	264	-79.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	221	157	41.0%
Phải thu ngắn hạn	169	156	8.3%
Hàng tồn kho	165	77.3	114%
Tài sản ngắn hạn khác	5.76	2.93	96.8%
Tài sản dài hạn	**2,808**	**2,366**	**18.7%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	612	696	-12.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	14.9	7.48	98.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	2,181	1,662	31.2%
Tài sản dài hạn khác	**0.39**	**0.48**	**-19.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	850	505	68.1%
Nợ ngắn hạn	**256**	**238**	**7.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	183	112	62.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	4.91	6.57	-25.3%
Nợ dài hạn	594	267	122%
Vay và nợ thuê dài hạn	594	267	122%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,574**	**2,518**	**2.2%**
Vốn chủ sở hữu	**2,574**	**2,518**	**2.2%**
Vốn điều lệ	1,111	1,100	1.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)